

Số: /BC-UBND

Phan Rang - Tháp Chàm, ngày tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022 thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

Thực hiện Công văn số 872/UBND-VXNV ngày 04/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ. Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-TU ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận về đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đến năm 2025; Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính hướng tới xây dựng chính quyền điện tử giai đoạn 2021 - 2025. Năm 2022, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành các văn bản:

- Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch số 399/KH-UBND ngày 10/12/2021 về cải cách hành chính thành phố Phan Rang - Tháp Chàm năm 2022.

- Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 kiện toàn Tổ kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2022.

- Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 11/01/2022 về kiểm tra, tự kiểm tra công tác nội vụ và công tác cải cách hành chính năm 2022.

- Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 18/01/2022 về phát động phong trào thi đua chuyên đề cải cách hành chính thành phố năm 2022.

- Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 17/02/2022 về tuyên truyền cải cách hành chính thành phố năm 2022.

- Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 17/3/2022 về triển khai thực hiện khắc phục, sửa chữa khuyết điểm, hạn chế sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong năm 2022.

- Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 24/3/2022 về khắc phục những tồn tại, hạn chế và giải pháp nâng cao chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn thành phố năm 2022.

- Kế hoạch số 291/KH-UBND ngày 07/6/2022 về khảo sát mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với dịch vụ hành chính công tại bộ phận Tiếp nhận và trả

kết quả (Bộ phận TN&TKQ) của các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Phan Rang - Tháp Chàm năm 2022.

Đồng thời triển khai các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, đăng ký nội dung cải cách hành chính cần tập trung đẩy mạnh trong năm 2022.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính các cấp; Chỉ thị số 57-CT/TU ngày 03/9/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 07/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế:

- Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố được thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Kết quả: Năm 2022, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành 03 văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể: Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 về bãi bỏ Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trang thông tin điện tử thành phố Phan Rang- Tháp Chàm; Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 21/02/2022 ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Phan Rang- Tháp Chàm và Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội thành phố. Góp ý 05 văn bản: Góp ý dự thảo Kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình trọng tâm công tác cải cách tư pháp năm 2022 và góp ý dự thảo Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật năm 2022; góp ý dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người cao tuổi, người cao tuổi có khó khăn về tài chính giai đoạn 2022-2030; góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Góp ý dự thảo Quyết định ban hành Đề án tăng cường quản lý nhà nước trong hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật: Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 25/01/2022 về triển khai công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2022 trên địa bàn thành phố; Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 10/02/2022 về theo dõi thi hành pháp luật năm 2022 trên địa bàn thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; Kế hoạch số 261/KH-UBND ngày 26/5/2022 về kiểm tra công

tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2022 trên địa bàn thành phố và Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 về việc thành lập tổ kiểm tra tình hình quản lý nhà nước về công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính năm 2022 trên địa bàn thành phố và Kế hoạch số 339/KH-UBND ngày 28/7/2022 về tổ chức tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn thành phố.

Kết quả thực hiện: Đã kiểm tra 164 hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, an ninh, trật tự giao thông, an toàn thực phẩm; ban hành 07 Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai; 09 Quyết định miễn thi hành quyết định phạt tiền; 02 quyết định hoãn thi hành quyết định phạt tiền; 121 Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực thủy sản, đất đai.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 25/01/2022 về thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022; Kế hoạch số 38/KH-HĐPHPBGDPL ngày 28/01/2022 về hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố Phan Rang- Tháp Chàm năm 2022; Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 02/3/2022 về phát động thi đua về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022; Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 30/3/2022 về phổ biến các luật, nghị quyết mới được Quốc hội khóa XV thông qua và các văn bản pháp luật liên quan; Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 06/5/2022 về thực hiện Chương trình trọng tâm cải cách tư pháp năm 2022 trên địa bàn thành phố; Kế hoạch số 323/KH-UBND ngày 11/7/2022 về triển khai thi hành Luật Biên phòng Việt Nam và các văn bản quy định chi tiết và Kế hoạch số 354/KH-UBND ngày 18/8/2022 về phổ biến các Luật mới được Quốc hội Khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 3 trên địa bàn thành phố Phan Rang- Tháp Chàm và Kế hoạch số 401/KH-UBND ngày 05/10/2022 về tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2022 trên địa bàn thành phố

Đã tổ chức 03 Hội nghị: Triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn; Luật phòng, chống ma túy năm 2021 và Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống ma túy và Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020; Nghị định số 106/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Biên phòng Việt Nam; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật

Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Với 329 người tham dự, thành phần tham dự gồm Lãnh đạo UBND thành phố; các phòng, ban, ngành, đoàn thể thành phố; Chủ tịch UBND, công chức Tư pháp, văn phòng, Địa chính- xây dựng và công an, Tuyên truyền viên pháp luật của 16 phường, xã.

Tham gia Hội thi “Báo cáo viên-Tuyên truyền viên pháp luật giỏi” cấp tỉnh năm 2022, kết quả đạt giải Nhất toàn đoàn; phối hợp với Ban an toàn giao thông thành phố tổ chức Hội thi “Tuổi trẻ học đường với văn hóa giao thông năm 2022”

Hàng tháng, tiếp tục triển khai thực hiện tốt buổi sinh hoạt “ Ngày pháp luật” cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thành phố Phan Rang-Tháp Chàm.

- Công tác kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch số 416/KH-UBND ngày 27/12/2021 về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Phan Rang- Tháp Chàm năm 2022; Kế hoạch số 417/KH-UBND ngày 27/12/2021 về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2022; và Kế hoạch số 359/KH-UBND ngày 25/8/2022 về triển khai thực hiện Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022-2027” trên địa bàn thành phố. Ban hành các văn bản chỉ đạo: Công văn số 152/UBND-TP ngày 14/01/2022 về rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; Công văn 1269/UBND-TP ngày 20/4/2022 về việc rà soát, đăng ký danh mục Nghị quyết trình HĐND tỉnh ban hành từ nay đến cuối nhiệm kỳ 2021-2026; Công văn số 1151/UBND-TP ngày 12/4/2022 về việc góp ý dự thảo Kế hoạch thực hiện Chương trình trọng tâm công tác cải cách tư pháp năm 2022 và Công văn số 2769/UBND-TP ngày 08/8/2022 về việc rà soát, đăng ký danh mục Nghị quyết trình tại kỳ họp chuyên đề, HĐND tỉnh; Công văn số 3511/UBND-TP ngày 29/9/2022 về việc cung cấp thông tin về mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng nghị quyết của HĐND, quyết định của UBND và Công văn số 3690/UBND-TP ngày 07/10/2022 về việc đề nghị rà soát, lập danh mục văn bản phục vụ công tác kiểm tra văn bản theo chuyên đề. Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 về công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc đối tượng hệ thống trong kỳ năm 2021. Kết quả: Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa 02 văn bản quy phạm pháp luật (02 Quyết định).

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC):

Công tác cải cách thủ tục hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố tiếp tục triển khai thực hiện, cụ thể:

- Công tác rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 2569/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 về ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn thành phố Phan Rang-Tháp Chàm; Kế hoạch số 418/KH-UBND ngày 27/12/2021 về việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 22/02/2022 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước phát triển chính quyền số năm 2022. Kết quả: Ủy ban nhân dân thành phố đã tiến hành rà soát bộ thủ tục hành chính cấp

huyện có sự thay thế và bổ sung theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chỉ đạo các phòng, ban, Ủy ban nhân dân 16 phường xã tiến hành rà soát, đánh giá lại TTHC của các cơ quan, đơn vị.

- Việc niêm yết công khai các TTHC: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố và 16 phường, xã đã tiến hành rà soát, cập nhật lại TTHC và thực hiện việc niêm yết, công khai các thủ tục hành chính theo quy định. Danh sách các thủ tục hành chính, thời gian giải quyết, mức phí, lệ phí được niêm yết công khai, rõ ràng, đầy đủ tại Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả và trên Trang thông tin điện tử của thành phố tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện TTHC. Hiện nay số TTHC của thành phố đến nay gồm 274 thủ tục, trong đó có 266 thủ tục tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 4 và được đưa lên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh - kết quả thực hiện các TTHC mức độ 4 đạt 100% chỉ tiêu tỉnh giao, còn lại 08 TTHC được thực hiện tiếp nhận, giải quyết mức độ 2 theo quy định. Cấp xã số TTHC gồm 108 TTHC, trong đó Có 100 thủ tục tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 4, còn lại 08 thủ tục được thực hiện tiếp nhận, giải quyết mức độ 2 theo quy định. Lý do TTHC còn ở mức độ 2 do: Các TTHC thuộc các lĩnh vực như: thanh tra, đối thoại, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo...

- Tình hình tổ chức hoạt động của Bộ phận một cửa: Bộ phận một cửa thành phố gồm 10 công chức, viên chức thuộc các cơ quan, đơn vị; 16 phường, xã gồm 79 công chức, người hoạt động không chuyên trách, thực hiện tiếp nhận và trả kết quả thuộc các lĩnh vực: Hành chính Tư pháp, Xây dựng, Đăng ký kinh doanh, Văn hóa, Tôn giáo, Thi đua khen thưởng, Thương mại, Môi trường, Đất đai... Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận một cửa thành phố và các phường, xã ngày càng được được nâng lên; trình độ chuyên môn, năng lực cơ bản đáp ứng được yêu cầu thực thi nhiệm vụ.

- Công tác tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức: Trong năm 2022 tiếp nhận và trả lời 33/33 phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đạt tỷ lệ 100%, các ý kiến phản ánh của người dân chủ yếu liên quan đến lĩnh vực như: an ninh trật tự; dịch vụ hành chính, y tế, trật tự quản lý đô thị và các lĩnh vực khác.

- Kết quả giải quyết TTHC: Trong năm 2022 trên địa bàn thành phố Phan Rang-Tháp Chàm đã tiếp nhận và giải quyết 117.283 hồ sơ trong đó:

+ Thành phố:

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang-Tháp Chàm đã tiếp nhận và giải quyết 17.022 hồ sơ (trong đó: Giải quyết trước hạn 1.786 hồ sơ, đạt 10,4 %; giải quyết đúng hạn 15.222 hồ sơ, đạt 88,2%; đang trong hạn giải quyết 14 hồ sơ, chiếm 1.4%).

+ Phường, xã:

Ủy ban nhân dân 16 phường, xã đã tiếp nhận và giải quyết 139.354 hồ sơ (trong đó: Giải quyết trước hạn 505 hồ sơ, đạt 0,36 %; giải quyết đúng hạn 138.838 hồ sơ, đạt 99,6 %; đang trong hạn giải quyết 203 hồ sơ, chiếm 0,04%).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:

Hiện tại, thành phố có 16 đơn vị hành chính (15 phường, 01 xã); 10 phòng, ban chuyên môn; 52 đơn vị sự nghiệp (07 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và 45 đơn vị sự nghiệp giáo dục); 02 Hội đặc thù (Hội Đông y, Hội Chữ thập đỏ).

Năm 2022, Ủy ban nhân dân thành phố tiếp tục kiện toàn, xây dựng tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành ủy. Đồng thời chỉ đạo các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố tiến hành rà soát, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị theo Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Thực hiện giao chỉ tiêu biên chế năm 2022 đảm bảo số lượng được giao theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Chương trình hành động số 181-CTr/TU, ngày 21/2/2018 của Tỉnh ủy Ninh Thuận về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Kết quả: Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành quyết định sắp xếp lại mạng lưới trường học năm 2022 từ 48 đơn vị trường học giảm còn 45 đơn vị (*sáp nhập các trường: Trường tiểu học Đô Vinh 2 và Trường tiểu học Đô Vinh 3 thành Trường tiểu học Đô Vinh 2, Trường mẫu giáo Bảo An và Trường mẫu giáo Phước Mỹ thành Trường mẫu giáo Hòa Mi, Trường tiểu học Đông Hải 3 và Trường THCS Đông Hải thành Trường TH-THCS Võ Nguyên Giáp*).

Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân thành phố tiếp tục thực hiện tốt việc phân cấp quản lý đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc thành phố theo quy định; phân cấp quản lý việc nâng bậc lương đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Cải cách chế độ công vụ:

Tiếp tục thực hiện đúng các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức như: tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý, kết quả đạt được cụ thể như sau:

- Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức:

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Nhằm tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu quả Đề án vị trí việc làm của cơ quan hành chính; kịp thời cập nhật những quy định mới của Trung ương về tiêu chuẩn, chức danh vị trí việc làm; đồng thời, chủ động khắc phục những bất cập phát sinh liên quan đến vị trí việc làm của cơ quan hành chính thời gian qua; làm cơ sở để nâng cao hiệu quả, chất lượng việc tuyển dụng, sử dụng, bố trí, thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ công chức, viên chức. Ngày 06/5/2022, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Đề án số 10/ĐA-UBND về vị trí việc làm của các cơ quan hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức: Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thành công kỳ xét tuyển công chức cấp xã năm 2022 và đã xét tuyển được 06 trường hợp (chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự) vào công tác tại Ủy ban nhân dân các phường, xã thuộc UBND thành phố; tổ chức sơ tuyển công chức cấp xã vào làm công chức thành phố đối với 06 trường hợp; chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp thành phố tổ chức tuyển dụng viên chức năm 2022 (*các đơn vị sự nghiệp giáo dục tuyển dụng 13 viên chức, Trung tâm Phát triển quỹ đất tuyển dụng 02 viên chức*).

- Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức: Năm 2022, Ủy ban nhân dân thành phố đã tổ chức đánh giá chương trình hành động trước khi tiến hành bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức danh lãnh đạo, quản lý các phòng chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; ban hành quyết định bổ nhiệm đối với 44 trường hợp sau khi có kết quả đánh giá chương trình hành động; tiếp nhận và điều động bổ nhiệm 01 trường hợp lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc thành phố (Phó Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương: Năm 2022 Ủy ban nhân dân thành phố đã tổ chức 04 đợt kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố (trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố, khối liên cơ quan và 08 phường, xã). Kết quả: Cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị và các phường, xã cơ bản thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính và công tác phòng, chống dịch Covid-19.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 29/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức thành phố đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2022 theo chỉ tiêu được phân bổ và hướng dẫn của Sở Nội vụ. Kết quả: Đề nghị Sở Nội vụ ban hành Quyết định cử công chức thành phố: 01 trường hợp tham gia đào tạo sau đại học - trình độ Tiến sĩ (ông Nguyễn Thế Bình - Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo), 02 trường hợp công chức thành phố tham gia bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch Chuyên viên chính; tham mưu UBND thành phố quyết định: Cử 05 cán bộ cấp xã tham gia đào tạo sau đại học - trình độ thạc sĩ; cử 53 trường hợp cán bộ, công chức phường, xã tham gia bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch Chuyên viên,

Chuyên viên chính (15 trường hợp CVC, 38 trường hợp CV) và cử 145 lượt cán bộ, công chức tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn ngày khác.

5. Cải cách tài chính công:

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách:

+ Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước: Thu ngân sách thành phố năm 2022 ước đạt 741,36/590,835 tỷ đồng; trong đó thu cân đối theo phân cấp 385,63/260 tỷ đồng, đạt 148,32% so kế hoạch năm.

Nhìn chung thu ngân sách thành phố năm 2022 đạt cao và vượt so với dự toán được HĐND thành phố giao; một số khoản thu đạt cao như: Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 152% (4,863/3,2 tỷ); các khoản phí, lệ phí đạt 117% (11,674/10 tỷ); thu tiền sử dụng đất thành phố đạt 130,67% (71,87/55 tỷ); Thu thuế công thương nghiệp - dịch vụ ngoài quốc doanh đạt 120% (95,830/80 tỷ); lệ phí trước bạ đạt 139% (79/57 tỷ); thuế thu nhập cá nhân đạt 233% (54,448/23,4 tỷ); thu tiền cho thuê đất đạt 253,8% (46,488/18,4 tỷ) so kế hoạch năm.

+ Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các Quyết định về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật 07 công trình vốn đầu tư công; điều chỉnh, bổ sung danh mục và mức vốn vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; phân bổ kế hoạch đầu tư phát triển năm 2022; Quyết định công khai kế hoạch vốn đầu tư nhà nước giao và phân bổ vốn đầu tư năm 2022.

+ Kết quả thực hiện: Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển năm 2022 của thành phố được phân bổ từ các nguồn là 111,808 tỷ đồng; tiến độ giải ngân đến 31/12/2022 ước được 100% kế hoạch, gồm các nguồn vốn sau: Nguồn ngân sách trung ương (vốn 02 Chương trình mục tiêu quốc gia): 0,78/0,78 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch (trong đó: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 0,66/0,66 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 0,12/0,12 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch); Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ 16,57/16,57 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch (trong đó: Nguồn vốn hỗ trợ hợp tác xã: 0,37/0,37 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch; Nguồn vốn hỗ trợ Chương trình giáo dục phổ thông (Xổ số kiến thiết): 13,6/13,6 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch; Nguồn vốn hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (Xã Thành Hải) theo Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận): 2,4/2,4 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch; Nguồn vốn hỗ trợ đối ứng chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 0,2/0,2 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch); Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương theo phân cấp: 12,458/12,458 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch; Nguồn thu sử dụng đất thành phố năm 2022: 49,5/49,5 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch; Nguồn thu sử dụng đất thành phố năm 2021 chuyển sang: 14,5/14,5 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch; Nguồn thu sử dụng đất thành phố năm 2022: 18/18 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch; Thẩm tra quyết toán 37 công trình (16 công trình vốn đầu tư và 21 công trình vốn sự nghiệp) với tổng giá trị quyết toán 147,82 tỷ đồng; Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu 42 công trình (291 gói thầu) với tổng giá trị các gói thầu 88,43 tỷ đồng.

+ Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: Đã hoàn thành 100% việc thực hiện các kiến nghị

sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của tỉnh, Trung ương trong năm 2021.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: Năm 2022, Ủy ban nhân dân thành phố tiếp tục triển khai thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công, cụ thể: Trình UBND tỉnh phê duyệt phương án đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất đối với khu đất chợ Đông Hải cũ để thực hiện đầu tư xây dựng mới chợ Đông Hải, phường Đông Hải, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm; chủ trương bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất Trường THCS Trần Hưng Đạo (cơ sở cũ) sau khi có quyết định phê duyệt phương án sắp xếp nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP của Chính phủ; phê duyệt Phương án đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của phường Mỹ Bình; Quyết định đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của phường Mỹ Hải, Tấn Tài, xây dựng phương án sắp xếp 130 cơ sở nhà, đất của 16 phường, xã; định giá, thanh lý tài sản tháo dỡ nhà kho hợp tác xã nông nghiệp Thành Ý, trụ sở ban quản lý khu phố 1; giao nhiệm vụ các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện thanh lý, tháo dỡ các tài sản là trụ sở làm việc khu phố, trường học ... đã hư hỏng, xuống cấp; đề xuất giải quyết tài sản cho thuê của Đội quản lý trật tự đô thị.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (*Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản có liên quan*): Ủy ban nhân dân thành phố đã thực hiện công bố công khai dự toán ngân sách thành phố năm 2022 để đăng lên cổng thông tin điện tử của Thành phố và cổng thông tin Bộ Tài chính; giao dự toán thu, chi, phí, lệ phí 2022 cho các cơ quan chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp; thẩm định và giao quyền tự chủ tài chính cho một số đơn vị sự nghiệp năm 2022 đảm bảo theo đúng quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số:

- Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật:

Hiện tại, Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng hệ thống mạng LAN, kết nối mạng TSLCD của tỉnh và kết nối mạng Internet. Hiện tại có 01 máy chủ đang hoạt động, 129 máy vi tính (10 laptop và 119 máy bàn), 50 máy in, 30 máy scan và các thiết bị mạng (04 switch và 01 router wifi); trang bị hệ thống an toàn phòng chống cháy nổ hệ thống CNTT. Tỷ lệ máy tính đạt 100%/ cán bộ, công chức, viên chức. Phường, xã: Các cơ quan, đơn vị xây dựng hệ thống mạng LAN, kết nối mạng TSLCD và kết nối mạng Internet, có 295 máy vi tính (5 laptop và 290 máy bàn), 177 máy in, 25 máy scan và các thiết bị mạng; 25 máy photo; tỷ lệ máy tính đạt 85%/ cán bộ, công chức, viên chức.

Bên cạnh đó, 100% kết nối internet thông qua mạng chuyên dùng theo Quyết định số 56/2020/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 về ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II tại cơ quan, nhà nước các cấp tỉnh Ninh Thuận (UBND thành phố, 16 UBND phường, xã); phối hợp với VNPT nâng cấp hệ thống máy chủ và hệ thống trường lửa nhằm đáp ứng an toàn thông tin cho cơ quan.

- Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng:

+ Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TDOffice): 100% các phòng, ban, ngành, UBND 16 phường, xã thực hiện việc trình văn bản và gửi nhận văn bản thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc. Trong 09 tháng đầu, tổng số văn bản đi/đến được cập nhật trên Phần mềm TDOffice là 19.218 trong đó có 13.393 văn bản đến và phát hành 5.825 văn bản đi

+ Hiện tại đã triển khai sử dụng chứng thư số cho các phòng, ban và UBND 16 phường, xã đạt tỷ lệ 100% và thực hiện ký số khi gửi, nhận văn bản qua hệ thống quản lý văn bản TD Office không kèm bản giấy. Số lượng 108 chứng thư số, 100 % các phòng, ban, ngành, UBND 16 phường, xã đã triển khai ứng dụng chứng thư số.

+ Hệ thống thư điện tử công vụ: 100% cán bộ, công chức UBND thành phố được cấp hộp thư điện tử công vụ để trao đổi công việc, gửi nhận văn bản, tài liệu. Tỷ lệ cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ trong công việc đạt 100%.

+ Trang thông tin điện tử: Trang thông tin điện tử Ủy ban nhân dân thành phố ngày càng hoàn thiện và hoạt động hiệu quả, được sự quan tâm theo dõi của đông đảo cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Năm 2022, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố đăng tải khoảng 850 tin, bài, video chất lượng phong phú, trang thông tin điện tử thành phố đã tích cực phản ánh hoạt động và thành tựu của thành phố trên các lĩnh vực chính trị, Kinh tế - xã hội, An ninh quốc phòng, chuyển đổi số...

+ Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến: Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến kết nối với điểm cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh; điểm cầu giao ban trực tuyến giữa UBND thành phố với 16 điểm cầu tại các phường, xã.

+ Phần mềm chỉ đạo điều hành: Thời gian qua, Ủy ban nhân dân thành phố sử dụng tốt Phần mềm Văn bản chỉ đạo điều hành của tỉnh để theo dõi, xử lý công việc do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho UBND thành phố. Năm 2022, Ủy ban nhân dân thành phố có 185 công việc do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao thông qua phần mềm, trong đó tỷ lệ công việc đã xử lý trước và đúng hạn là 174 đạt 94%. Ủy ban nhân dân thành phố đã triển khai Hệ thống phần mềm ý kiến chỉ đạo điều hành tại Ủy ban nhân dân thành phố.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4: Hiện nay, Ủy ban nhân dân thành phố đã cung cấp 266/274 thủ tục hành chính mức độ 4, đạt 100%, tỉnh giao, mức độ 2 là 8 thủ tục hành chính (chưa đủ điều kiện lên mức 3,4); UBND 16 phường, xã cung cấp 108 thủ tục hành chính mức độ 4.

III. ĐÁNG GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi:

Với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự lãnh chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của Thành ủy, sự hỗ trợ hướng dẫn chuyên môn theo ngành, lĩnh vực của các ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh, cùng với tinh thần phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, đơn vị, địa phương, sự đồng thuận của tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân. Công tác cải cách hành chính thành phố đến nay cơ bản ổn định, kinh tế dần phục

hội và trên đà tăng trưởng, các chính sách an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm thực hiện, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội theo tinh thần mục tiêu kép - vừa phòng chống dịch, vừa phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo ổn định quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Công tác cải cách hành chính (CCHC) của thành phố năm 2022 đã có nhiều chuyển biến và đạt được nhiều kết quả tích cực trên các lĩnh vực; các mặt tồn tại, hạn chế năm 2021 đến nay cơ bản được khắc phục, hoàn thành. Nhiệm vụ cải cách hành chính được người đứng đầu, cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm chỉ đạo quyết liệt, chủ động thực hiện bám sát chỉ đạo của Thành ủy, UBND thành phố; các chỉ tiêu CCHC năm và giai đoạn 2021-2025; công tác cải cách tổ chức bộ máy, biên chế tiếp tục rà soát củng cố theo vị trí việc làm và gắn với thực hiện chức trách nhiệm vụ cơ quan, đơn vị; việc thực hiện thể chế của nền hành chính tiếp tục được đổi mới; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thành phố ngày được nâng lên; cơ chế một cửa, một cửa liên thông tiếp tục đẩy mạnh và từng bước có chất lượng, hiệu quả cao; cải cách công vụ, công chức, tài chính công có nhiều đổi mới, tiến bộ, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Các số chỉ số cải cách hành chính (Chỉ số PAR INDEX, Chỉ số PAPI, SIPAS, DDCI) có nhiều tiến bộ, các chỉ số PAPI, SIPAS, DDCI tiếp tục duy trì ở thứ hạng cao; công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan hành chính, sự nghiệp tiếp tục được quan tâm đẩy mạnh. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập luôn được quan tâm chỉ đạo quyết liệt, công tác rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố đến thời điểm hiện tại cơ bản đảm bảo theo lộ trình và kế hoạch đề ra. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin, xử lý, luân chuyển hồ sơ tài liệu các cơ quan, đơn vị trên môi trường mạng cơ bản đáp ứng yêu cầu, góp phần từng bước đẩy mạnh phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số của thành phố đến năm 2025...

2. Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được công tác cải cách hành chính thành phố vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan, đơn vị có mặt còn hạn chế (hạ tầng thông tin, Trang thông tin điện tử...). Việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận hồ sơ trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích còn đạt tỷ lệ thấp; công tác cải cách hành chính ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thật sự được quan tâm đúng mức. Việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính ở một số cơ quan, đơn vị chưa nghiêm, vẫn còn một số cán bộ, công chức chưa chấp hành nghiêm giờ giấc làm việc; chưa chủ động phát hiện, tham mưu xử lý công việc cũng như các nhiệm vụ phát sinh thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách. Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo có lúc chưa kịp thời...

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

Năm 2022 là năm thứ hai nhiệm kỳ 05 năm, giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu công tác cải cách hành chính. Nhằm tiếp tục đẩy mạnh nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2022 và giai đoạn 05 năm. UBND thành phố tập trung triển khai một nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1. Tiếp tục xây dựng triển khai các kế hoạch, giải pháp đẩy mạnh công tác cải cách hành chính thành phố từ nay đến năm 2025, nhất là luôn bám sát các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Thành ủy Phan Rang-Tháp Chàm trong triển khai thực hiện nhiệm vụ; thường xuyên rà soát, củng cố, kiện toàn thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính thành phố, hướng tới xây dựng chính quyền điện tử giai đoạn 2021 - 2025; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên của Ban Chỉ đạo; thực hiện nghiêm vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn thành phố.

2. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về tầm quan trọng, ý nghĩa, mục tiêu và tác động của cải cách hành chính đến phát triển kinh tế-xã hội của thành phố theo tinh thần Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 09/12/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính hướng tới xây dựng chính quyền điện tử giai đoạn 2021 - 2025, Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND thành phố về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch số 399/KH-UBND ngày 10/12/2021 về cải cách hành chính nhà nước thành phố năm 2022.

3. Tập trung đẩy mạnh triển khai Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND thành phố về ban hành Đề án “Xây dựng và phát triển thành phố Phan Rang - Tháp Chàm trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030. Tăng cường công tác chuyển đổi số theo Kế hoạch số 1297/KH-BĐHCĐS ngày 30/3/2022 của Ban Điều hành chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Chương trình đào tạo Chuyển đổi số cho lãnh đạo cấp xã; thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng nhằm đưa nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số đến người dân, đưa người dân lên môi trường số, góp phần đẩy mạnh chuyển đổi số, chính quyền số của Thành phố trong thời gian tới.

4. Rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các cơ quan, tổ chức, đơn vị, tiếp tục củng cố chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, xây dựng tổ chức bộ máy phù hợp. Thực hiện tốt các quy định về tuyển dụng, sử dụng, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức. Tổ chức kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn. Đẩy mạnh xã hội hóa đơn vị sự nghiệp công lập gắn với tinh giản biên chế trên cơ sở tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; tình hình triển khai, kết quả thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

trong giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thu ngân sách, giải ngân vốn đầu tư công để triển khai thực hiện hoàn thành các dự án trọng điểm trên địa bàn theo kế hoạch năm đề ra. Tăng cường chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các Chỉ số cải cách hành chính (Chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI, ICT, PCI, DDCI) theo chỉ tiêu Nghị quyết Thành ủy, kế hoạch UBND thành phố đã đề ra. Tổ chức giao ban, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính định kỳ tháng, quý, năm và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm tiếp theo.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị tỉnh thường xuyên mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận một cửa thành phố và các phường, xã.

Trên đây là báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- CT, PCT UBND thành phố;
- Lưu: VT, NV.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phú

PHỤ LỤC THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố)

PHỤ LỤC 1

**VĂN PHÒNG CẤP ỦY, PHÒNG NỘI VỤ PHỤ TRÁCH
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kế hoạch, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	09	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	100%	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	09	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	09	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số đơn vị đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	14	
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	08	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
4.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	126	
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	117	
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
4.4.	Số nhiệm vụ chưa hoàn thành nhưng trong hạn	Nhiệm vụ	9	
4.5.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0		
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	140	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
6.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

PHỤ LỤC 2
PHÒNG TƯ PHÁP PHỤ TRÁCH
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	03	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản		
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Rà soát VBQPPL		0	
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		

PHỤ LỤC 3
VĂN PHÒNG CẤP ỦY VÀ CHÍNH QUYỀN PHỤ TRÁCH
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	01	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>274</i>	
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>108</i>	
1.4.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.1.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
2.2.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
2.3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,9%	
3.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>17.008</i>	
3.1.1.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>17.008</i>	
3.1.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,6%	
3.2.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>139.343</i>	
3.2.1.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>139.343</i>	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.2.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.3.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	PAKN	32	
3.3.1.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	PAKN	32	
3.3.2.	Thống kê TTHC			
3.4.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
3.4.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	01	
3.4.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		

PHỤ LỤC 4
PHÒNG NỘI VỤ PHỤ TRÁCH
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100%	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100%	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban		
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.1.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>		
1.5.2.	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>		
1.5.3.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	52	
1.5.4.	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%	16,12%	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	87	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	78	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	04	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	0	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	1.660	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.634	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	28	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	4,7%	

PHỤ LỤC 5
PHÒNG NỘI VỤ PHỤ TRÁCH
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	10	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	52	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	17	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người		
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		

PHỤ LỤC 6
PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH PHỤ TRÁCH
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	111.808	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	111.808	<i>Đến ngày 31/12/2022 hoàn thành</i>
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	52	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	04	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	01	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	02	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	47	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

PHỤ LỤC 7

VĂN PHÒNG CẤP ỦY VÀ CHÍNH QUYỀN PHỤ TRÁCH Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%	100	
5.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	100	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.2.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.2.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.1.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
5.3.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
5.3.3.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
6.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
6.4.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
6.4.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.4.2.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	266	
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	266	
6.5.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	21	
6.5.1.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
6.5.2.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	108	
6.5.3.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	100	
6.6.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	17,5	
6.6.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	117.283	
6.6.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	999	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.7.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.7.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)</i>	<i>Thủ tục</i>	99	
6.7.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	266	
6.8.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
6.8.1.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
6.8.2.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	